

Văn hoá và tăng trưởng

*Đọc “Vĩnh biệt bố thí” (Farewell to Alms)
của Gregory Clark*

Trần Hữu Dũng

Lời toà soạn: *Vài năm gần đây, nhiều quyển sách quan trọng về tăng trưởng và phát triển đã được xuất bản ở Mỹ. Ba cuốn được chú ý nhất (và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng) là: (i) “Vĩnh biệt bố thí” của Gregory Clark, (ii) “Nguồn gốc của trật tự chính trị” của Francis Fukuyama, và (iii) “Tại sao các quốc gia thất bại” của Daron Acemoglu và James Robinson. Thời Đại Mới sẽ lần lượt giới thiệu những tác phẩm nổi tiếng này với bạn đọc.*

Kỳ này, tạp chí chúng tôi xin bắt đầu với quyển sách của Gregory Clark.

Một cuốn sách xuất bản gần đây được nhiều chú ý trong giới kinh tế là cuốn “Vĩnh biệt bố thí” của Gregory Clark.¹ Đây là một tác phẩm vừa hữu ích trong việc khơi dậy một sự kiện có thể là quan trọng bậc nhất trong lịch sử loài người – căn nguyên của cuộc Cách mạng Công nghiệp – vừa có nhiều ý kiến đáng thảo luận về khả năng tăng trưởng hiện nay của các nước nghèo. Chúng tôi xin tóm tắt và thẩm định cuốn này để giới thiệu với bạn đọc.

Ba câu hỏi về cuộc Cách mạng Công nghiệp

Không như đa số các nhà kinh tế hiện nay, Gregory Clark là một chuyên gia về *sử* kinh tế,² một ngành tương đối ít người theo. Nhìn lại lịch sử kinh tế thế giới suốt mấy ngàn năm, Clark cho rằng có ba câu hỏi vẫn chưa được trả lời thoả đáng: *Một là, tại sao cuộc Cách mạng Công*

¹ Gregory Clark, 2007, “A farewell to alms: A brief economic history of the world”, Princeton University Press, 420 trang, \$29.95.

² Giáo sư, Đại học California ở Davis.

nghiệp xảy ra vào thế kỷ 18, mà không lúc nào khác? ³ Hai là, tại sao cuộc cách mạng ấy xuất phát ở Anh, mà không từ nơi nào khác? Ba là, tại sao sau cuộc cách mạng thì chỉ một số quốc gia (hầu hết ở châu Âu và Bắc Mỹ) là nhanh chóng phát triển, và ngày càng giàu có, còn những quốc gia khác (đặc biệt là ở châu Phi) thì vẫn trì trệ, thậm chí có nơi tụt lùi?

Lý thuyết mà Gregory Clark đưa ra, trước hết, là để trả lời ba câu hỏi trên. Nhưng hơn thế nữa, Clark còn cho rằng lý thuyết của ông (và những bài học chính sách rút ra từ đó) là phổ quát, nhất quán, thích hợp cho mọi nơi, mọi thời. Nói vắn tắt, theo Clark, “văn hoá” (theo cách ông định nghĩa, dưới đây sẽ nói rõ) là chìa khoá của tăng trưởng.

“Bẫy Malthus”

Một cách để hiểu Gregory Clark là đặt ông vào dòng lịch sử khoa học kinh tế, sau vết chân của Adam Smith và Thomas Malthus.

Theo Adam Smith, những “khích lệ” (incentives) là yếu tố quan trọng nhất quyết định năng suất của một nền kinh tế. Con người có hăng hái lao động, sáng tạo, cần kiệm, đầu tư không? Lao động ngành gì? Sáng tạo cái gì? Đầu tư vào lãnh vực nào?... Tất cả đều tùy thuộc vào cường độ và hình thức “khích lệ”. “Khích lệ” định hướng và thúc đẩy mọi hoạt động và, trong một môi trường cạnh tranh toàn hảo, sẽ làm kinh tế phát triển. Smith cho rằng những khích lệ ấy tùy thuộc “chất lượng” của thể chế: thể chế tốt thì những khích lệ ấy sẽ mạnh và đúng, còn thể chế tồi thì chúng sẽ yếu ớt, hoặc lệch sai. Như vậy, muốn tăng trưởng thì phải có một chính sách tạo ra những khích lệ thích hợp. Smith nhấn mạnh sự quan trọng của một nền kinh tế cạnh tranh toàn hảo, không độc quyền trong bất cứ thị trường nào, bởi lẽ những khích lệ (cụ thể là “tinh thần kinh doanh”) cần thiết để phát triển chỉ có thể tồn tại trong một môi trường như vậy.

Thomas Malthus thì nghĩ khác. Nhà kinh tế này nhìn “tăng trưởng” qua lăng kính “tính sinh vật” của xã hội loài người thay vì qua vai trò của những khích lệ. Theo Malthus, ở từng thời điểm, mỗi xã hội đều có cái mà ông gọi là “mức lương sinh tồn”, tức là thu nhập vừa đủ để một gia đình (trung bình) “tự tái tạo”: có số con cái bằng số người mà gia đình hiện có. “Mức lương sinh tồn” này mang lại cho gia đình ấy số lượng kalori, chất dinh dưỡng, áo quần, chỗ ở... vừa đủ để sống. Tất nhiên, mức này tùy vào văn hóa, thói lễ, phong tục... của xã hội liên hệ.

³ Cụ thể, trong nhiều ngàn năm trước đó, dù không thiếu những tiến bộ về canh nông, về chăn nuôi, vận chuyển... mức sống của loài người cũng không cải thiện được bao nhiêu (theo Clark, một người trung bình vào năm 1800 cũng không khá hơn một người trung bình một ngàn năm trước công nguyên). Nhận xét này khiến Clark đặt câu hỏi: tại sao kinh tế của loài người lại trì trệ lâu như thế?

Rồi, ví dụ như ở một thời điểm nào đó, thu nhập (bình quân) lên cao hơn mức sinh tồn này (chẳng hạn như khi được mùa, hoặc vì chiến tranh hay bệnh tật mà dân số đột ngột giảm đi) thì tử suất sẽ tụt xuống, sinh suất sẽ tăng, và dân số sẽ lên cao. Nhưng tình trạng này không thể kéo dài, bởi lẽ, khi dân số tăng lên mà diện tích đất đai và số lượng tài nguyên vẫn cố định, thì năng suất lao động sẽ giảm, và thu nhập sẽ giảm theo.⁴

Tiến trình này tiếp tục đến khi mức thu nhập xuống trở lại mức sinh tồn. So với lúc khởi điểm thì dân số sẽ cao hơn, song mỗi người (trung bình) sẽ không khá gì hơn. Nếu sau đó mà mùa màng trở lại bình thường, năng suất và thu nhập sẽ tụt dưới mức sinh tồn thì tiến trình mô tả trên đây lại đảo ngược: tử suất cao sẽ làm giảm dân số cho đến khi năng suất và thu nhập trở lên mức sinh tồn, và rồi ổn định... Cái vòng nghèo khổ lẫn quẩn như thế được gọi là “bẫy Malthus”

Như thế, theo Malthus, mức sinh tồn là yếu tố duy nhất quyết định mức sống vật chất của mỗi xã hội. Vì cái “định luật sắt” này mà, tuy nơi nào trên thế giới cũng đều có một số tiến bộ công nghệ lẻ tẻ trong suốt chiều dài lịch sử trước Cách mạng Công nghệ, đời sống nhân loại đã không khá hơn bao nhiêu trong mấy ngàn năm ấy.

Thuyết của Clark

Đa số các nhà kinh tế hiện đại đều cho rằng Smith là đúng, còn Malthus thì quá bi quan, thậm chí sai lầm. Gregory Clark không nghĩ thế. Theo ông, Malthus là đúng hơn Smith. Clark giải thích nguyên nhân cuộc Cách mạng Công nghệ vào thời điểm ấy ở bên Anh như sau:

Những giai tầng xã hội khác nhau có những tỷ suất có con (childbearing) và khả năng tồn tại (survival) khác nhau, và chính sự khác nhau này đã làm thay đổi bản chất con người theo hướng mà, cuối cùng, đưa nhân loại ra khỏi “bẫy Malthus”. Cụ thể, những gia đình có nhiều con là những gia đình khá giả, còn những gia đình dần dần tuyệt tự là những gia đình túng nghèo. Với thời gian, sự “sống còn của những người thích ứng nhất”⁵ lan tỏa trong quần chúng các đức tính đã giúp những người giàu trở thành giàu có: tư duy hợp lý, tính tiết kiệm, tinh thần siêng năng lao động... Chính sự lan tỏa các đức tính này (mà Clark gọi là “văn hoá”) là đầu mối của cuộc Cách mạng Công nghiệp và những diễn biến sau đó.

Không như đa số học giả, Clark cho rằng nước Anh đã “chín muồi” cho sự phát triển công nghiệp sớm hơn mọi nước chẳng phải vì quốc gia ấy may mắn có nhiều khoáng sản (nhất là than) và những tài nguyên

⁴ Đây là thể hiện của định luật “diminishing returns” (giảm hồi thu) chủ chốt trong kinh tế học.

⁵ Tiếng Anh: “Survival of the fittest”

khác. Theo ông, nguyên do chính của sự bùng phát công nghiệp ở Anh, và vào thời điểm ấy, là vì khi ấy quốc gia này hội đủ những thành tố văn hóa cốt yếu để có những tiến hóa xã hội và kinh tế. Đó là: dân số tăng trưởng chậm nhưng khá đều đặn từ năm 1300 đến 1760, những định chế luật pháp, chính trị và kinh tế thuận lợi cho phát triển thì đã có từ trước cuộc Cách mạng Công nghệ. Khi đông đảo con cái những gia đình tương đối khá giả đến tuổi trưởng thành và gia nhập xã hội – đa số làm thợ nghề hay con buôn – thì “những giá trị của giai cấp trung lưu” (tính cần cù, có giáo dục, v.v.) lan toả khắp nước Anh. Trái lại, ở Trung Quốc và Ấn Độ, chẳng hạn, những “giá trị” này lan toả rất chậm – và do đó hai nước ấy cũng chậm phát triển.

Clark cho rằng yếu tố tạo hình nền kinh tế của một quốc gia là văn hóa và sự tiến hóa xã hội (social evolution) của quốc gia ấy như Malthus đã nói, chứ không phải thể chế như Smith đã nghĩ. Theo Clark, các nhà kinh tế hiện đại đã làm khi gán cho Smith quan điểm rằng “khích lệ tốt” (good incentives), *trong bất cứ một nền văn hóa nào*, đều đưa đến những kết quả tốt.⁶

Theo Clark, ba sự kiện trong lịch sử loài người đã chứng tỏ rõ ràng vai trò khổng chế của văn hóa, không phải của khích lệ. *Một là*, trong quá khứ, những nhà nước “tốt” (tức là những nhà nước có những biện pháp hữu hiệu khích lệ người dân của họ) cũng là những nhà nước có nền kinh tế *trì trệ* (stagnation). *Hai là*, so với vài quốc gia tiên tiến như Đức, Thụy Điển, thì đa số các nước nghèo lại có hệ thống “khích lệ” cho hoạt động kinh tế khả quan hơn nhiều, ngay trong thời kỳ tiền công nghiệp. *Ba là*, nguyên nhân của cuộc Cách mạng Công nghiệp là những thay đổi trong sở thích kinh tế (economic preferences) của người Anh, không phải những thay đổi trong thể chế.

Clark đưa hai ví dụ cực đoan. Ví dụ thứ nhất: non một thế kỷ (từ năm 1857 đến 1947), công nghiệp tơ sợi ở Bombay (Ấn Độ) đã phát triển trong một môi trường hết sức tự do (theo nghĩa ngày nay), hơn nữa, tổn phí sản xuất (lao động lẫn vốn) ở vùng ấy hầu như là thấp nhất hoàn cầu. Thế nhưng công nghiệp tơ sợi ở Bombay không cạnh tranh nổi với Anh Quốc, dù lương ở Anh cao gấp 5 lần... Rõ ràng là chỉ “khích lệ” thì không đủ để gây tăng trưởng.

Ví dụ thứ hai: Ở cực đoan khác, các nước Bắc Âu nổi tiếng là thuế cao. Hoạt động kinh tế thì bị kềm chế khá chặt chẽ bởi nhiều thứ luật lệ, quy định... Thế mà các nước ấy lại rất phồn vinh, năng suất đầu người không thua gì Mỹ, và tăng trưởng đều đặn. Trái lại, ở Anh vào thời trung cổ thì cả lao động và vốn đều chịu thuế rất thấp, thị trường cũng khá tự

⁶ Có thể là Smith đã không nghĩ như vậy, hay nếu Smith nghĩ như vậy thì chính Smith là sai.

do và cạnh tranh. Thế mà kinh tế của Anh lúc ấy lại hầu như không tăng trưởng chút nào...

Tóm lại, cuộc Cách mạng Công nghiệp bộc phát trong một môi trường mà những kích lệ căn bản của thể chế đã không thay đổi qua nhiều thế kỷ (thậm chí có phần tệ hơn). Vậy mà trong thời kỳ cách mạng ấy, phản ứng của con người đối với những kích lệ đó ngày càng khả quan hơn và tinh thần kinh doanh ngày càng mạnh mẽ... Từ nhận xét ấy, Clark kết luận, mức độ giàu nghèo của một quốc gia không do sự khác nhau ở các kích lệ (như Smith ám chỉ), song ở *cách con người đáp ứng các kích lệ ấy*. Dù kích lệ có thể là yếu ớt, song nếu người dân làm việc năng nổ, tích lũy, có tinh thần cạnh tranh, thì kinh tế sẽ phồn thịnh. Ngược lại, dù kích lệ có là tốt, nhưng người dân biếng nhác, ít tiết kiệm, và không chịu vứt bỏ những công nghệ lỗi thời, thì nền kinh tế sẽ “thất bại”.

Clark khẳng định rằng những yếu tố thường được giới kinh tế nghĩ là cốt yếu cho cuộc Cách mạng Công nghiệp – thị trường tự do và kích lệ – thật ra không quan trọng. Theo ông, khi nhìn vào lịch sử thì những kích lệ tốt – quyền tư hữu được bảo đảm, thuế thấp, nhà nước ổn định – thường chỉ làm kinh tế hoàn toàn trì trệ. Nếu xét về kích lệ thì nước Anh năm 1300 còn dồi dào hơn cả nước Anh năm 1800! Babylon Cổ Đại (hơn hai ngàn năm trước Tây lịch) có hầu hết những kích lệ mà ngày nay được xem là cần thiết để phát triển kinh tế. Thế nhưng hai xã hội ấy nào có Cách mạng Công nghiệp? Một trường hợp nữa: Từ 1857 đến 1947, thực dân Anh dường như đã thiết lập cho Ấn Độ những định chế kinh tế thuận lợi cho phát triển (như các nhà kinh tế sùng bái thị trường vẫn định nghĩa), thế mà kinh tế Ấn Độ lại thụt lùi về công nghiệp trong thời kỳ này!

Clark thêm: ngay một quốc gia cực kỳ nghèo khổ như Malawi cũng có nhiều kích lệ hơn Thụy Điển là nơi mà thuế suất (biên tế) đánh trên thu nhập lao động lên đến 50-60%, hưu bổng rất sộp, thậm chí y tế, giáo dục còn được cung cấp miễn phí!

Theo Clark, *tăng trưởng kinh tế hiện đại* không phải là nhờ có những kích lệ tốt hơn, nhưng từ sự phát sinh một “*nền văn hóa kinh tế mới*” trong những xã hội như Anh Quốc và Tô Cách Lan. Để những xã hội nghèo có thể tăng trưởng, chúng ta cần thay đổi văn hóa của họ, không chỉ thay đổi thể chế (và những kích lệ hàm chứa trong thể chế ấy). Một sự “*thay đổi văn hoá*” như thế chỉ có thể thực hiện bằng cách giúp những người ở các xã hội hậu tiến cận với các xã hội tiên tiến. Clark cho rằng tăng trưởng kinh tế của nhân loại trong hai thế kỷ vừa qua phần lớn là một “*thành tựu văn hoá*”. Không xã hội nào có thể phát triển mà không trải qua biến thể văn hóa (cultural transformation)

Vì cho rằng “*văn hoá*”, chứ không phải thể chế, là chìa khoá của tăng trưởng, Clark khuyến nghị các tổ chức quốc tế (như Ngân hàng Thế giới,

Quỹ Tiền tệ Quốc tế) không nên cố gắng cải tổ “thể chế” các quốc gia chậm tiến, bằng viện trợ chẳng hạn; những biện pháp ấy chỉ làm giàu các quan chức tham nhũng ở các nước ấy mà thôi.⁷ Tốt hơn, theo Clark, là cho phép tự do di dân... cho họ cơ hội tiến thân ở các nước tiên tiến.

Phê bình Clark

Khám phá chủ yếu của Clark là tầng lớp khá giả ở Anh Quốc có nhiều con cái hơn, và từ khám phá này mà Clark “thêu dệt” nên lý thuyết lược thuật trên đây. Tuy nhiên, xem kỹ những dẫn chứng của ông thì đó chỉ là giai cấp quý tộc ở Anh. Không có những con số tương tự về thương gia cũng như nông gia giàu có ở Trung Quốc và Nhật Bản. Sự thật là những người giàu có ở Trung Quốc thì có nạn đa thê... và do đó, nếu giả thuyết của Clark là đúng thì tinh thần “kinh doanh” và “năng động” phải là lan truyền rộng rãi ở Trung Quốc cũng như ở thế giới Islam, và hạn chế ở thế giới đạo Thiên Chúa (theo chế độ đơn thê), trái ngược với giả thuyết của Clark!

Còn về Ấn Độ thời kỳ Raj (mà theo Clark thì có nhiều kích lệ kinh tế, nhưng không phát triển được) thì sao? Đúng là ông Raj có thiết lập một số thể chế kinh tế quan trọng, tỷ như tự do thương mại (dù chỉ trong nội bộ đế quốc Anh), và chấm dứt nạn sung công tư sản. Song những điều kiện kinh tế khác thì vô cùng tồi tệ. Thực dân Anh không bao giờ muốn phát triển kinh tế cho thuộc địa, chẳng hạn như họ hoàn toàn không đầu tư vào giáo dục và cơ sở hạ tầng, trừ khi để phục vụ những nhu cầu quân sự của Anh.

Clark không vững lắm khi chuyển từ phân tích lịch sử sang “chẩn bệnh” hiện tại.⁸ Ông không thấy sự khác biệt giữa các quốc gia thật kém mở mang ngày nay và những nền kinh tế trước Cách mạng Công nghiệp, và ông đưa ra một kết luận “giật gân”: những nước nghèo hiện nay có thể khấm khá hơn nếu họ đã không có một tiếp xúc nào với những quốc gia đã công nghiệp hóa! Cụ thể, vì kinh tế các nước thật nghèo ấy là cực kỳ trì trệ, những gì làm tăng dân số của họ (ví dụ như, oái oăm thay, sự du nhập y khoa tân tiến) sẽ chỉ đưa đến hậu quả là hạ thấp mức sống của các nước ấy mà thôi. Rõ ràng là Clark đã sai lầm ở nhận định này. Như nhiều người phê phán Clark đã vạch ra: khác với sự “tĩnh lặng” của những nước nghèo trước Cách mạng Công nghiệp, không thể xem tình trạng kém phát triển của các nước nghèo ngày nay là “tĩnh lặng” hoặc “tự nhiên”. Ngày nay, thế giới chung quanh những nước nghèo khác xa thể

⁷ Về điểm này, Clark giống William Easterly. Xem, chẳng hạn: William Easterly, 2007, *The White Man's Burden: Why the West's Efforts to Aid the Rest Have Done So Much Ill and So Little Good*, NY: Oxford University Press.

⁸ Một cách phê bình Clark dễ nhất là như Solow: Thật là “quái gở” khi Clark dùng mấy tiêu chuẩn hiện đại của IMF để thẩm định những xã hội hàng thế kỷ, thậm chí thiên niên kỷ trước... Xem Robert Solow, 2007, “Survival of the Richest”?, *New York Review of Books*, 22 tháng 11, 2007.

giới trước Cách mạng Công nghiệp. Thế giới hiện tại có “thị trường quốc tế” và nhân loại ngày nay nắm trong tay những công nghệ tân kỳ, không thể so sánh với ngày xưa. Nói khác đi, ngày nay mọi nước, dù nghèo, đều có thể với tay nắm bắt những biện pháp có khả năng nâng cao mức sống của họ.

Ngoài những phản biện nói trên thì luận thuyết của Gregory Clark bị công kích nhiều nhất bởi những người theo “trường phái thể chế” phần lớn là vì, bởi lý do nào đó, Clark hay chỉ trích những luận cứ của trường phái này.⁹

Nói cho chính xác, Clark đã mạnh mẽ công kích trường phái thể chế của Robert Fogel và Douglass North.¹⁰ Theo cách hiểu của Clark thì trường phái này cho rằng phát triển kinh tế cần ba yếu tố “thể chế”, đó là: thị trường phải tự do, quyền tư hữu được bảo đảm, và thuế phải thấp. Clark cho rằng cái mà hiện nay được gọi là “Đồng thuận Washington” là xây dựng trên ý kiến của trường phái này. Hai phản biện được nhiều tác giả nêu ra: thứ nhất, Clark đã hiểu sai liên hệ giữa “Đồng thuận Washington” và trường phái thể chế của Fogel và North; thứ hai, không như Clark nghĩ, điều cần nhất để thúc đẩy phát triển là một **thể chế chính trị dân chủ** để làm theo ý dân, và những việc khác (như quyền tư hữu, v.v.) chỉ là hậu quả của thể chế ấy.

James Robinson¹¹ phản biện cách khác: Cuộc Cách mạng Công nghiệp ở Anh vào thế kỷ 18 không ăn nhập gì đến sự biến đổi văn hóa. Sự thật là, cuộc cách mạng ấy là hậu quả của những đấu tranh *chính trị* vào thế kỷ 17, cụ thể là sau cuộc Cách mạng Quang vinh (Glorious Revolution) năm 1688. Cuộc Cách mạng (Quang vinh) này đánh dấu sự kết thúc chế độ quân chủ ở Anh. Nó phát sinh một chính thể sẵn sàng và có khả năng phục vụ lợi ích kinh tế của quốc gia và đem vào thực tế những thành tố thể chế thiếu vắng trước đó, như bảo đảm quyền tư hữu và phá hủy các độc quyền.

Nhưng khác biệt rõ ràng nhất là khi những người phái thể chế và Clark “chẩn đoán” sự thành công kỳ diệu của Trung Quốc. Đối với những người phái thể chế thì sự thành công ấy chứng minh rằng khi nhà nước đầu tư vào giáo dục, vào cơ sở hạ tầng thì quốc gia sẽ phát triển, chứ văn hóa Trung Quốc thì có gì thay đổi trong mấy mươi năm nay đâu? Nhưng Clark bảo lưu ý kiến của ông cũng mạnh mẽ không kém:

⁹ Xem Trần Hữu Dũng, 2010, “Căn nguyên của phát triển”, *Thời Báo Kinh tế Sài Gòn*, số Tết Dương Lịch.

¹⁰ Nên nhớ rằng có nhiều trường phái thể chế khác (như của Thorstein Veblen, John Commons chẳng hạn).

¹¹ Người thường cộng tác với Daron Acemoglu, và đồng tác giả với Acemoglu một cuốn sách (mà *Thời Đại Mới* sẽ giới thiệu trong tương lai) về đề tài tương tự như của Clark. Xem James Robinson, 2007, “What makes an Industrial Revolution?”, *Wall Street Journal*, 8 tháng 11, 2007.

Trung Quốc cũng còn là không dân chủ, cũng còn là tham nhũng tràn lan, vậy thì thể chế đó có thay đổi gì đâu?

© Thời Đại Mới